

BẢN TIN VỀ KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Tháng 4 - Đợt 2

1. Tên nhiệm vụ: Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Bắc Nam Hà, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp

2. Ngày quan trắc: 24 – 25/4/2024

Ngày cung cấp TT: 26/4/2024

3. Tình trạng hoạt động của các công khi lấy mẫu:

STT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Tình trạng hoạt động của công
1	1	Công Như Trác	Công đóng.
2	2	Công Hữu Bị	Công đóng.
3	3	Công Cốc Thành	Công mở.
4	4	Công sông Chanh	Công mở.
5	5	Công Nhâm Tràng	Công mở.
6	6	Công Kinh Thanh	Công mở.
7	7	Công Cô Đàm	Công mở.
8	8	Công Vĩnh Trị	Công đóng.
9	12	Đập An Bài (sông Châu Giang)	Công đóng.
10	13	Đầu kênh CG16	Công mở.
11	16	Đập Vùa (CG12)	Đập đóng.
12	19	Đầu kênh C19 (Kênh tiêu sông Chanh)	Công đóng.

4. Tổng số vị trí các điểm quan trắc: 20 vị trí

5. Đơn vị thực hiện: Phòng Thí nghiệm và Tư vấn quản lý CLN, Môi trường – Viện Quy hoạch Thủy lợi

Người cung cấp thông tin: Trịnh Xuân Hoàng – Trưởng phòng

6. Đơn vị nhận thông tin: Cục Thủy lợi, Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Bắc Nam Hà, Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Hà Nam, Chi cục thủy lợi Hà Nam, Chi cục thủy lợi Nam Định.

KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Bảng tóm tắt:

Căn cứ theo các quy chuẩn: QCVN 08:2023 và số liệu khảo sát hiện trường sơ bộ nhận định về chất lượng nước tại các vị trí quan trắc theo các hạng như sau:

A – Sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt, bơi lội, vui chơi dưới nước (sau khi áp dụng xử lý phù hợp): Công Cốc Thành, Công Sông Chanh.

B – Sử dụng cho mục đích sản xuất nông nghiệp, công nghiệp (sau khi áp dụng xử lý phù hợp): Các vị trí đạt giới hạn trên, Công Như Trác, Công Hữu Bị, Công Cổ Đam, Công Vĩnh Trị, Đầu kênh T3, Đầu kênh C9, Cầu đường 10 với sông Sắt, Đập La Chợ, Đập Vùa (CG12), Đầu kênh C19 (Kênh tiêu sông Chanh), Đầu kênh T6.

C – Sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp (sau khi áp dụng xử lý phù hợp), không gây mùi khó chịu: Các vị trí đạt giới hạn trên, Công Nhâm Tràng, Công Kinh Thanh, Đập An Bài (sông Châu Giang), Đầu kênh S48, Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy).

D – Giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp: Các vị trí đạt giới hạn trên, Đầu kênh CG 16, Cầu Chũ (sông Châu Giang).

Bảng chi tiết:

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
<i>QCVN 08:2023 - A</i>				6.5 – 8.5		≥ 6					
<i>QCVN 08:2023 - B</i>				6 – 8.5		≥ 5					
<i>QCVN 08:2023 - C</i>				6 – 8.5		≥ 4					
<i>QCVN 08:2023 - D</i>				< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
1	Công Như Trác	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh Như Trác tưới cho khu vực Huyện Lý Nhân và phần Bắc huyện Bình Lục.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 25°C, độ ẩm 90%, mật độ mây 100%, gió TB 15 km/h. Không có dòng chảy, công đóng, trạm bơm không hoạt động. Nước màu xanh, có hiện tượng phú dưỡng.	7.16	40.6	5.09	0.2	0.769	3.420	322	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B.
2	Công Hữu Bị	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh Hữu Bị tưới cho khu vực Huyện Mỹ Lộc và phần Bắc huyện Bình Lục.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 25°C, độ ẩm 90%, mật độ mây 100%, gió BTB 24 km/h. Không có dòng chảy. Công đóng. Trạm bơm đang hoạt động bơm nước từ sông Châu Giang lên kênh tưới. Nước màu xanh lục.	7.52	22.5	5.84	0.1	0.831	0.992	236	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B.

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
3	Công Cốc Thành	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh Cốc thành tưới cho khu vực Huyện Vụ Bản.	Trời nắng, nhiệt độ 30°C, độ ẩm 78%, mật độ mây 85%, gió ĐBĐ 16 km/h. Dòng chảy nhanh, công mờ lấy nước vào. Trạm bơm đang hoạt động bơm lấy nước. Nước màu xanh.	7.67	27.3	6.72	0.1	0.357	0.230	241	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B.
4	Công Sông Chanh	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tiêu sông Chanh và tưới bổ sung cho khu vực Nam huyện Vụ Bản.	Trời nắng, nhiệt độ 31°C, độ ẩm 72%, mật độ mây 79%, gió ĐB 18 km/h. Dòng chảy chậm từ sông Đào vào, mực nước cao, công mờ. Trạm bơm không hoạt động. Nước màu xanh lục.	7.27	31.2	6.63	0.2	0.521	0.158	270	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B.
5	Công Nhâm Trảng	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh	Trời nắng, nhiệt độ 31°C, độ ẩm 69%, mật độ mây 84%, gió ĐB 17 km/h.	7.29	43.5	4.72	0.4	1.166	1.013	575	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		QC VN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QC VN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QC VN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QC VN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		tươi Nhâm Tráng, tươi cho Huyện Thanh Liêm và phần phía Bắc huyện Ý Yên, bổ sung nước vào hệ thống cuối kênh Như Trác.	Dòng chảy nhanh từ sông Đáy vào kênh, cống mở, trạm bơm đang bơm nước tưới. Nước màu nâu đục.								không đạt mức B.
6	Công Kinh Thanh	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tưới, tưới cho Huyện Thanh Liêm.	Trời nắng, nhiệt độ 31°C, độ ẩm 69%, mật độ mây 84%, gió ĐB 17 km/h. Dòng chảy chậm từ sông Đáy vào, cống mở lấy nước vào. Trạm bơm không hoạt động. Nước màu nâu đục.	7.28	48.4	4.89	0.5	1.072	0.765	626	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B.
7	Công Cô Đàm	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ	Trời nắng, nhiệt độ 31°C, độ ẩm 69%, mật độ mây 84%, gió ĐB 17	7.41	38.8	5.53	0.4	0.847	1.103	591	Các chỉ tiêu quan trắc hiện

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		thông kênh tưới Cỏ Đam, tưới cho Huyện Ý Yên.	km/h. Dòng chảy nhanh từ sông Đáy vào, cống mở lấy nước vào. Trạm bơm đang hoạt động lấy nước tưới. Nước màu nâu đục.								trường pH, DO đạt mức B.
8	Cống Vĩnh Trị	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tưới, tiêu kết hợp, tưới cho Huyện Ý Yên và Huyện Vụ Bản.	Trời nắng, nhiệt độ 29°C, độ ẩm 70%, mật độ mây 98%, gió BĐB 15 km/h. Không có dòng chảy. Cống đóng, trạm bơm không hoạt động. Nước màu xanh lục.	7.81	21.2	5.76	0.3	0.567	1.530	475	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B.
9	Đầu kênh T3	Đánh giá nhanh chất lượng nước trên kênh T3 là kênh trực tiếp nhận nước thải dọc thành phố	Trời nắng, nhiệt độ 30°C, độ ẩm 78%, mật độ mây 85%, gió BĐB 16 km/h. Dòng chảy chậm về Cốc Thành, mực nước trung bình. Nước màu	7.54	33.8	5.9	0.4	0.668	0.275	520	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B.

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		Nam Định, nhưng vẫn sử dụng để cấp cho tưới qua trạm bơm Cốc Thành.	xanh lục.								
10	Đầu kênh C9	Kiểm tra chất lượng nước tưới tiêu kết hợp và nước thải từ KCN Bảo Minh. thành phố Nam Định với các ngành sản xuất: dệt, nhuộm, cơ khí, chế biến gỗ, đồ điện.	Trời nắng, nhiệt độ 31°C, độ ẩm 72%, mật độ mây 79%, gió ĐB 18 km/h. Dòng chảy chậm ra sông Chanh, mực nước trung bình. Nước màu nâu đục.	7.84	34.1	5.12	1.4	0.963	9.450	1690	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B.
11	Cầu đường 10 với sông	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống sông	Trời nắng, nhiệt độ 29°C, độ ẩm 74%, mật độ mây 85%, gió BDB 17 km/h.	7.39	34.9	5.74	0.4	0.699	1.503	529	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH,

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		<i>QCVN 08:2023 - A</i>		6.5 – 8.5		≥ 6					
		<i>QCVN 08:2023 - B</i>		6 – 8.5		≥ 5					
		<i>QCVN 08:2023 - C</i>		6 – 8.5		≥ 4					
		<i>QCVN 08:2023 - D</i>		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
	Sắt	Sắt, tưới tiêu kết hợp cho phía Nam Huyện Ý Yên.	Dòng chảy chậm từ Vĩnh Trị về, mực nước trung bình. Nước màu xanh lục.								DO đạt mức B.
12	Đập An Bài (sông Châu Giang)	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống sông Sắt, tưới tiêu kết hợp cho Huyện Bình Lục.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 28°C, độ ẩm 82%, mật độ mây 67%. gió BDB 12 km/h. Không có dòng chảy, cống đóng. Dưới chân cống có nhiều bèo. Nước màu xanh lục.	7.16	28.7	4.48	0.3	1.352	1.467	473	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B.
13	Đầu kênh CG 16	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tưới tiêu kết hợp và nhận nước thải từ KCN Hòa Hậu.	Trời nắng, nhiệt độ 25°C, độ ẩm 90%. mật độ mây 100%, gió BTB 24 km/h. Dòng chảy chậm ra sông Châu Giang. Mực nước thấp, cống mở. Nước màu nâu đục.	7.17	45.5	3.6	0.5	0.932	3.173	685	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B.
14	Đập La Chợ	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ	Trời nắng, nhiệt độ 25°C, độ ẩm 92%. mật độ mây 100%, gió BTB	7.08	73.4	5.55	0.2	0.754	1.015	276	Các chỉ tiêu quan trắc hiện

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		thông, tưới tiêu kết hợp cho Huyện Mỹ Lộc.	9 km/h. Dòng chảy chậm về nội đồng, mực nước trung bình. Nước màu nâu đục.								trường pH, DO đạt mức B.
15	Đầu kênh S48	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống tưới, tiêu nông nghiệp và khu vực làng nghề mây tre đan huyện Ý Yên.	Trời nắng, nhiệt độ 29°C, độ ẩm 70%, mật độ mây 98%, gió BDB 15 km/h. Nước đứng, không có dòng chảy, mực nước thấp. Nước màu xanh, có hiện tượng phú dưỡng.	7.42	22.9	4.12	0.5	2.106	3.533	718	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B.
16	Đập Vùa (CG12)	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống tưới cho Huyện Lý Nhân.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 24 °C, độ ẩm 90%, mật độ mây 100%, gió TB 15 km/h. Không có dòng chảy, đập đóng, mực nước thấp. Nước màu nâu đục, có nước rỉ qua cánh cống).	7.17	36.7	5.14	0.3	0.979	1.035	393	Các chi tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B.

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
		<i>QCVN 08:2023 - A</i>		6.5 – 8.5		≥ 6					
		<i>QCVN 08:2023 - B</i>		6 – 8.5		≥ 5					
		<i>QCVN 08:2023 - C</i>		6 – 8.5		≥ 4					
		<i>QCVN 08:2023 - D</i>		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
17	Cầu Chủ (sông Châu Giang)	Vị trí ô nhiễm do nhận nước thải các huyện Bình Lục, Lý Nhân.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 28°C, độ ẩm 82%, mật độ mây 67%, gió ĐBĐ 12 km/h. Dòng chảy chậm về hướng Hữu Bị, mực nước trung bình. Nước màu xanh.	7.04	30.8	3.07	0.4	2.067	3.353	534	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B.
18	Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy)	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống tiêu Huyện Thanh Liêm. Vị trí ô nhiễm do nhận nước thải của huyện Thanh Liêm.	Trời nắng, nhiệt độ 31°C, độ ẩm 65%, mật độ mây 90%, gió ĐB 15 km/h. Dòng chảy chậm về hướng Cổ Đam. Mực nước trung bình. Có hiện tượng phú dưỡng. Nước màu xanh lục.	8.13	31.9	4.26	0.5	0.870	3.038	631	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B.
19	Đầu kênh C19 (Kênh tiêu)	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống sông Chanh, tưới tiêu kết hợp	Trời nắng, nhiệt độ 31°C, độ ẩm 72%, mật độ mây 79%, gió ĐB 18 km/h. Không có dòng chảy.	7.61	25.4	5.49	0.5	0.567	0.540	624	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
		<i>QCVN 08:2023 - A</i>		6.5 – 8.5		≥ 6					
		<i>QCVN 08:2023 - B</i>		6 – 8.5		≥ 5					
		<i>QCVN 08:2023 - C</i>		6 – 8.5		≥ 4					
		<i>QCVN 08:2023 - D</i>		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
	sông Chanh)	cho huyện Ý Yên.	Công đồng, mực nước cao. Nước màu xanh.								B.
20	Đầu kênh T6	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống tưới cho khu vực huyện Vụ Bản.	Trời nắng, nhiệt độ 31°C, độ ẩm 87%, mật độ mây 92%, gió ĐB 12 km/h. Dòng chảy chậm từ ngã ba sông Tiên Hương vào nội đồng, mực nước thấp. Nước màu xanh lục.	7.08	42.5	5.42	0.4	0.699	0.855	544	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B.

Ghi chú:

QCVN 08:2023 Mức A: Chất lượng nước tốt. Hệ sinh thái trong môi trường nước có hàm lượng oxy hòa tan (DO) cao. Nước có thể sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt, bơi lội, vui chơi dưới nước sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

QCVN 08:2023 Mức B: Chất lượng nước trung bình. Hệ sinh thái trong nước tiêu thụ nhiều oxy hòa tan do một lượng lớn chất ô nhiễm. Nước có thể sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp, nông nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

QCVN 08:2023 Mức C: Chất lượng nước xấu. Hệ sinh thái trong nước có lượng oxy hòa tan giảm mạnh do chứa một lượng lớn các chất ô nhiễm. Nước không gây mùi khó chịu, có thể được sử dụng cho các mục đích sản xuất công nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

QCVN 08:2023 Mức D: Nước có chất lượng rất xấu, có thể gây ảnh hưởng lớn tới cá và các sinh vật sống trong môi trường nước do nồng độ oxy hòa tan thấp, nồng độ chất ô nhiễm cao. Nước có thể được sử dụng cho các mục đích giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu chất lượng nước thấp.

Nơi nhận:

- Cục Thủy lợi;
- Cty TNHH MTV KTCTTL Bắc Nam Hà;
- Cty TNHH MTV KTCTTL Hà Nam;
- Chi cục thủy lợi tỉnh Hà Nam;
- Chi cục thủy lợi tỉnh Nam Định;
- Lưu phòng TN&TVQLCLN,MT.

Hà Nội, ngày 26 tháng 4 năm 2024

VIỆN QUY HOẠCH THỦY LỢI



Đào Ngọc Tuấn